

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 19-01-2022.
V/v Ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ X
và anh Đoàn Hữu L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vạn Thế;
2. Bà Lê Nguyễn Huỳnh Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ X, sinh năm 1997; Đăng ký thường trú: Số 562 ấp A, xã Y, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ (chỗ ở hiện nay): Số 200 Khu vực L, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ; **Chị X có mặt tại phiên tòa.**

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Hữu L, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 562 ấp A, xã Y, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. **Anh L có mặt tại phiên tòa.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ X trình bày: Sau khi biết nhau qua mai mối chị Trần Thị Mỹ X và anh Đoàn Hữu L đã có thời gian tìm hiểu và đã cưới nhau năm 2016, đến ngày 29/7/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, chị X và anh L sống chung với gia đình anh L, cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian chung sống, vợ chồng anh L, chị X bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do trong thời gian sống cùng, gia đình anh L thường xuyên gây áp lực cho chị X, gia đình anh L cho rằng chị X có hành vi không tôn trọng gây mất tình cảm với gia đình, có lần giữa chị X và vợ của anh trai anh L có lời lẽ không hay với nhau. Khi chị X chia sẻ, tâm sự với anh L về những áp lực từ phía gia đình anh L thì chị X không nhận được sự đồng cảm và chia sẻ từ anh L, mà anh L còn lớn tiếng và tỏ ra không quan tâm. Khoảng năm 2019, chị X dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống, trong vài tháng đầu anh L có qua thăm, về sau anh L không lui tới thăm nom mà còn nhân lúc say xỉn điện thoại dùng lời lẽ thô tục xúc phạm chị X, anh L cho rằng chị X đi theo trai không chịu về nhà.

Đến năm 2020, chị X đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện L yêu cầu giải quyết ly hôn với anh L, nhưng sau khi được Tòa án hòa giải hàn gắn tình cảm, anh L cam kết sẽ sửa sai và chị X nhận thấy anh L có thành ý hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị X đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Khi đó, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng khi vợ chồng về sống chung được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài đến nay và hiện tình cảm không thể hàn gắn được. Vợ chồng chị X và anh L thực sự không còn sống chung từ khoảng tháng 11/2020 đến nay. Nay chị X yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Hữu L.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Mỹ X cho rằng chị không còn tình cảm yêu thương đối với anh Đoàn Hữu L nên chị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị X yêu cầu ly hôn với anh L; Quá trình sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017, hiện cháu L1 đang sống chung và do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, chị X yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017. Chị X không yêu cầu anh L có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu L1 cùng chị X. Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản và nợ chung khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L trình bày, anh Đoàn Hữu L thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Mỹ X về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn.

Anh L cho rằng, thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc và không có mâu thuẫn. Về sau, do chị X mâu thuẫn với gia đình anh L vì một vài chuyện nhỏ, các mâu thuẫn này đã được dàn xếp giải quyết ổn thỏa. Anh L đi làm tài công láy ghe, bơm cát, thường xuyên không có mặt tại nhà.

Khoảng năm 2019, chị X tự ý dẫn con bỏ nhà đi, cả gia đình nhà chồng không ai biết. Khi đó, anh L có chủ động điện thoại nhưng chị X không bắt máy, nên anh L không thể liên hệ được với chị X, anh L liên hệ với cha mẹ vợ để hỏi

thăm về vợ con cũng không nhận được câu trả lời. Có lần anh L qua nhà cha mẹ vợ gặp chị X để hỏi rõ lý do vì sao chị X bỏ nhà đi. Chị X nói với anh L rằng do gia đình bên anh không tôn trọng, thường xuyên nghi ngờ chị X làm chuyện xấu nên chị X không thể chung sống được. Trong thời gian đó, anh L thường xuyên qua thăm chị X và con (hai, ba ngày một lần).

Anh L cũng thống nhất với lời trình bày của chị X về việc trước đây chị X có nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng do vợ chồng được Tòa án hòa giải, anh L cũng có cam kết thực hiện các phương án giải quyết mâu thuẫn vợ chồng để vợ chồng đoàn tụ nên chị X đã rút đơn và Tòa án nhân dân huyện L đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nhưng về sau vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn vì những lý do nhỏ nhặt. Trong thời gian Xuyên bỏ về sống ở nhà cha mẹ ruột, có lần anh L đến thăm, nhưng chị X lại có thái độ lạnh nhạt, có lần còn xô cả xe anh L vì tức giận, lần đó được anh trai can ngăn nên chị X mới chịu dừng lại. Đến tháng 7/2021, do dịch bệnh nên anh L không tới lui với chị X nữa.

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị X về con chung, quá trình sống chung vợ chồng có 01 (một) con chung tên Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017, hiện cháu L1 đang sống chung và do chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung anh L không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017. Anh L không yêu cầu chị X có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu L1 cùng anh L. Về chia tài sản chung và nợ chung anh L thống nhất với chị X không yêu cầu giải quyết;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ X, chị X được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao con chung tên Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017 cho chị Trần Thị Mỹ X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện con chung là cháu L1 đang sống

cùng và do chị X trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Đoàn Hữu L không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu L1 cùng chị X

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Trần Thị Mỹ X xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đoàn Hữu L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị X và anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh L có địa chỉ cư trú tại số nhà 562 ấp A, xã Y, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc chị Trần Thị Mỹ X và anh Đoàn Hữu L đăng ký kết hôn vào 29 tháng 7 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102, đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Tòa án công nhận là vợ chồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị X và anh L đã không làm được điều đó, sau một thời gian chung sống, chị X và anh L đã bắt đầu xảy ra bất đồng về quan điểm sống. Chị X và gia đình bên chồng thường xảy ra bất đồng, nhưng anh L không quan tâm, chia sẻ và cùng vợ tìm ra giải pháp dung hòa tình cảm của gia đình. Về phần chị X, khi phát sinh mâu thuẫn lại tự bỏ về nhà cha mẹ sống mà không cùng anh L tìm ra biện pháp để giải quyết mâu thuẫn trong gia đình.

Chị X đã có lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng vì để tạo cơ hội cho vợ chồng giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm nên chị X đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm. Chị X và anh L đều cho rằng vợ chồng vì mâu thuẫn nên đã không còn sống chung với nhau đến nay đã khoảng 2 năm.

Hành động và việc làm của chị X và anh L đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, tại phiên tòa chị X và anh L thống nhất ly hôn, sự thống nhất ly hôn giữa chị X và anh L là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về nuôi con chung:

Chị X và anh L thống nhất quá trình sống chung vợ chồng chị X và anh L có 01 (một) con chung tên Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017, hiện đang do chị X trực tiếp nuôi dưỡng, đây là tình tiết không phải chứng minh nên đủ căn cứ để xác định Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017 là con chung của chị X và anh L.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”*. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị X và anh L đã không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn, mà cả hai đều đưa ra yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con.

Xét thấy từ khi vợ chồng không sống chung với nhau cho đến nay, cháu Đoàn Hữu L1 vẫn do chị X trực tiếp nuôi dưỡng và cháu L1 phát triển bình thường như bao đứa trẻ cùng trang lứa khác, cho thấy chị X đã đảm bảo được quyền lợi và điều kiện sống cho cháu L1. Việc thay đổi nơi sinh sống cũng như thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chưa cần thiết và sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, cũng như sự phát triển bình thường của cháu L1. Vậy nên yêu cầu của chị X về việc được tiếp tục trực tiếp con chung tên Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị X có các nghĩa vụ và quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị X không yêu cầu anh L có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu L1 cùng chị X nên việc thực hiện quyền yêu cầu và nghĩa vụ cấp dưỡng của các bên được thực hiện theo quy định tại các điều 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Dù không là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh L vẫn có các quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 81; có các nghĩa vụ và quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn được quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Mỹ X cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đoàn Hữu L trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Về quyền và căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Chị Trần Thị Mỹ X và anh Đoàn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Mỹ X và anh Đoàn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do chị Trần Thị Mỹ X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của các đương sự được quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Mỹ X và anh Đoàn Hữu L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Đoàn Hữu L1, sinh ngày 10/5/2017 cho chị Trần Thị Mỹ X tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện con chung là cháu L1 đang sống cùng và do chị X trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Đoàn Hữu L không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu L1 cùng chị X.

2.2. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Mỹ X cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đoàn Hữu L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BI/2019/0014243 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị X đã nộp xong.

6. Chị Trần Thị Mỹ X, anh Đoàn Hữu L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.L;
- Chi cục THADS H.L;
- UBND xã Y, huyện L, ĐT
(GCNKH số 102-29/7/2016);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hà Thị Mỹ Xuân